

Số: 192/2019/QĐST-HNGĐ

K, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Huỳnh Cẩm L** – sinh năm 1986. Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: **Anh Đặng Trần Quốc T** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 10, khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Cẩm L và anh Đặng Trần Quốc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Cẩm L và anh Đặng Trần Quốc T chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006. Trong quá trình chung sống, anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L và anh T đã thuận tình ly hôn và Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

Về con chung: Chị L và anh T có 02 người con chung là Đặng Kim N – sinh ngày 05/01/2007 và Đặng Quốc H – sinh ngày 22/6/2013. Anh, chị thỏa thuận:

Giao cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên Tòa án ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí chị L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0004476 ngày 09/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Số tiền còn thừa chị L được nhận lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện K;
- UBND thị trấn K, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Pho**